

TP HCM 15 - 9 - 1990.

Kính gửi Bà khúc Minh Thở,

chủ tịch Hội từ nhân chính trị Vietnam tại Thái Lan,

Nhận được thư của quý Hội, em rất vui mừng và
phấn khởi. Thay mặt gia đình cha mẹ em, em xin kính
lời chào thân ái đến quý Hội và riêng gia đình Bà với
những nguyên cớ tốt lành nhất từ Huynh đệ -

như thế hoặc em đã trình bày, cha em đã nhớ
chuyện hồ sơ HO từ tháng 12/89. Bà thân cha em
không có thân nhân bao lãnh. Bà ruột em - chú ruột
cha em - thì mướn ra đi mướn thuê nên chưa thể bao
lãnh cho cha em được. Cái đây 2 tháng, bỗng phùng
xuất cái B Phan thiết (thuan hai) có gửi giấy nhận
gia đình em bỏ tước hồ sơ ODP. Thật là ngạc nhiên vì
bên mẹ em có câu ruột em là ông tế lễ ở chùa đã được
Houky bốc đi từ 75, qua đó câu đã gửi giấy về bao lãnh
cho mẹ em (là chú ruột của cậu) và cha em cũng gia đình
con của mẹ em. Hồ sơ làm từ 2 hay 3 gì đó, từ đó
không thấy câu biên lai tham vọng qua thủ tục và đưa
phương cũng không nhận gì về việc đó cả. Ông em
đã coi như không có gì nữa cả, nhưng đồng thời thì bà
đã đến, nên cha mẹ em xuất tiền làm hồ sơ theo kèm theo
ODP do câu em bao lãnh. Mẹ em được tên hồ sơ đoàn
tự do và đã có TV. Nay cha em gửi đến quý Hội hồ sơ
hồ này với TV của hồ sơ đoàn tự do bên mẹ em, và cũng
gửi hồ sơ HO tại Phan thiết kèm theo hồ sơ bỏ tước đoàn
tự do nữa. Em xin trình bày với quý Hội là bà như
thế. Mọi việc sau đó chỉ biết nhờ cậy thiện chí tốt
lành của quý Hội là hơn hết xin thương xót lo liệu cho
cha mẹ em. Hồ sơ HO cha em gửi qua Bangkok
tháng 12/89 thì không có tên của Đỗ Kim Dũng là con
thai của cha mẹ em vì nó hồ khẩu khai nay cha mẹ
em muốn nó được đi theo nên nó cũng có hồ sơ ở
đây. Em xin kính gửi đến quý Hội và Bà để tiện giúp

đó cũng kết thúc cha mẹ em trong trường hợp này.

Sau đây em xin đề khai những giấy tờ gửi theo hồ sơ này để gửi Hội sơ:

* list of documents sent to political prisoners association

1. Political prisoners registration form (2 copies)
2. Questionnaire for ODP applicants (2 copies)
3. Certificate provisoire de diplome (doctorat) (2 copies)
4. Decision N° 42 of minister of Health (2 copies)
5. Giấy khen quốc hội VN (2 copies)
6. Certificate of attendance WHO (2 copies)
7. Certificate of achievement (2 copies)
8. Release certificate (2 copies)
9. Marriage certificate (2 copies)
10. Birth Certificate of Đỗ Thị Ngọc Hải (2 copies)
11. Birth Certificate of Đỗ Kim Dung (2 copies)
12. Identity card of Lê Thị Thuý (2 copies)
13. Identity card of Đỗ Thị Ngọc Hải (2 copies)
14. Photo of Đỗ Văn Minh (2)
Lê Thị Thuý (2)
Đỗ Thị Ngọc Hải (2)
Đỗ Kim Dung (2)
15. IV N° 077671 (2 copies)

Thưa quý hội, cha mẹ em không biết câu Lê Lương Trung có còn muốn tiếp tục bảo lãnh cho gia đình cha mẹ em nữa không. Nhưng nương theo hồ sơ đơn từ 82 với IV đã có nên cha mẹ em vẫn gửi thêm hồ sơ.

Cuối thư, em xin thay cho gia đình cha mẹ em kính cảm ơn bà và quý hội với lòng hi vọng sâu xa và chân thành.

Kính chúc Bà và an và phước hạnh trong lễ mừng nhân đạo.

Địa chỉ liên lạc: Ông Đỗ Văn Minh;
(Đỗ Thị Ngọc Hải)

260 A Bạch Đằng, Bình Thạnh
Giáo trình Thành phố Hồ Chí Minh
(nhà 3 phía sau)

Kính thư,
Nguyễn

Đỗ Thị Ngọc Hải



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE 703-560-0058

IV# 077691

WEWL#

I-171 Y NO

EXIT VISA #

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM MINH VĂN ĐỖ
Last Middle First

Current Address: 260A Bạch Đằng (phố sau) Bình Thạnh Hồ Chí Minh city Vietnam

Date of Birth: 21 April 1924 Place of Birth: Phước Lâm Huyện Bình Định VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) Medicine doctor, Provincial Medicine Chief
(Job & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 15 Dec 1978 To 5 Feb 1980
Years: 01 Months: 01 Days: 20

3. SPONSOR'S NAME: ANTOINE TRUNG LE & LE LUONG
Name

Address and Telephone Number (home)

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

ĐỖ-THỊ NHÂN

Elder blood
sister

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 11 Sept 1990

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : MINH VĂN ĐỖ (ĐỖ VĂN MINH)
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. LÊ-THỊ-THÚY	22 April 1926	Spouse
2. ĐỖ-THỊ NGỌC-HẢI	07 June 1949	daughter
3. ĐỖ-KIM-DŨNG	23 July 1962	Son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above) (administrative address)

ĐỘI 1 HTX 3 TÂN-AN HẠM-TÂN
THUẬN-HẢI VIỆT NAM

ADDITIONAL INFORMATION :


ĐỖ-VĂN-MINH



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE 703-560-0058

IV# 077674

WEWL#

I-171 Y NO

EXIT VISA #

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM MINH VAN DO
Last Middle First

Current Address: 260A Bach dang (phua sau) Binh Thanh Ho Chi Minh city Vietnam

Date of Birth: 24 April 1974 Place of Birth: Phat diem Kim Son Ninh Binh Vietnam

Previous Occupation (before 1975) Medicine doctor Provincial Medicine Chief
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 15 December 78 To 5 February 1980
Years: 01 Months: 01 Days: 20

3. SPONSOR'S NAME: ANTOINE TRUNG LE LE LUANG
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

DO-THI NHAN 17280

elder blood sister

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 11 Sept 1990

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : MINH VĂN ĐỖ (ĐỖ VĂN MINH)
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. LÊ THỊ THUÝ	22 April 1926	Spouse
2. ĐỖ THỊ NGỌC-HẢI	07 June 1949	daughter
3. ĐỖ KIM DŨNG	23 July 1962	Son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above) (administrative address)

Đội 1 HIX 3 Bản An Xuân Tân THUAN HAI
VIỆT NAM

ADDITIONAL INFORMATION :



ĐỖ VĂN MINH

UNIVERSITÉ DE HUÉ
FACULTÉ DE MÉDECINE DE HUÉ

CERTIFICAT PROVISOIRE DE DIPLOME

Le Doyen de la Faculté de Médecine de Hué certifie que

M ĐỖ - VĂN - MINH
né le 24 Avril 1924
à Phát-Diêm (Ninh-Binh)

a été admis DOCTEUR D'ÉTAT EN MÉDECINE

devant la dite Faculté le 30 JUILLET 1968

Le présent certificat ne peut tenir lieu du diplôme original que temporairement.

Conformément aux Instructions ministérielles relatives à l'application de la Loi du 14 Avril 1910 (1), il doit être remis ou renvoyé au Secrétariat de la Faculté en échange du diplôme

Huế, le 30 JUILLET 1968

Le Doyen,



Professeur BUI-DUY-TAM

(1) Les docteurs en médecine, les sages-femmes sont tenus, dès leur établissement, de faire enregistrer et viser leur diplôme par les autorités prévues par la loi, et, attendant leur diplôme, le certificat provisoire qui leur a été délivré par la Faculté.

Chứng nhận đã ghi vào biên bản
số 1 ngày 12.12.1968 tại Phòng
Lục sự Tòa Sơ thẩm Huế .

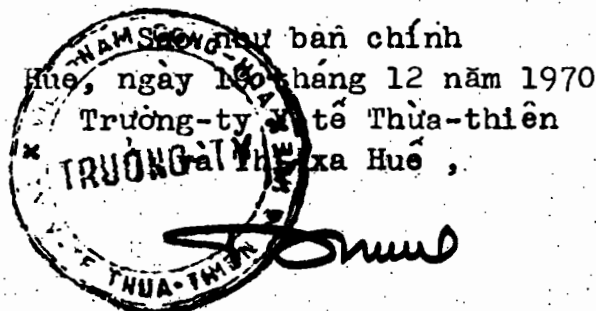
Huế, ngày 12 tháng 12 năm 1968

Chánh lục sự
Ký tên : không rõ
và đóng dấu

Chứng nhận đã trước bạ tại Ty
Y-tế Thừa-thiên dưới số 52
ngày 12.12.1968

Huế, ngày 13 tháng 12 năm 1968

Trưởng-ty Y-tế Thừa-thiên
và Thị-xa Huế ,
Ký tên : BS.Trần kiểm Khoan
và đóng dấu



Bác-Sĩ ĐỖ-VĂN-MINH

UNIVERSITÉ DE HUÉ
FACULTÉ DE MÉDECINE DE HUÉ

CERTIFICAT PROVISOIRE DE DIPLOME

Le Doyen de la Faculté de Médecine de Hué certifie que

M ĐỖ - VĂN - MINH

né le 24 Avril 1924

à Phát-Điện (Ninh-Bình)

a été admis DOCTEUR D'ÉTAT EN MÉDECINE

devant la dite Faculté le 30 JUILLET 1968

Le présent certificat ne peut tenir lieu du diplôme original que temporairement.

Conformément aux instructions ministérielles relatives à l'application de la Loi du 14 Avril 1910 (1), il doit être remis ou renvoyé au Secrétariat de la Faculté en échange du diplôme

Huế, le 30 JUILLET 1968

Le Doyen,



Professeur BÙI-DUY-TÂM

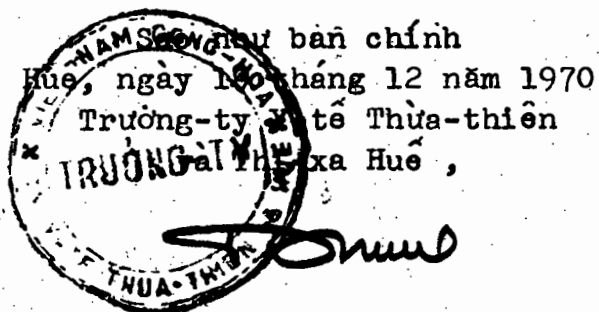
(1) Les docteurs en médecine, les sages-femmes sont tenus, dès leur établissement, de faire enregistrer et viser leur diplôme par les autorités prévues par la loi, et, attendant leur diplôme, le certificat provisoire qui leur a été délivré par la Faculté.

Chứng nhận đã ghi vào biên bản
số 1 ngày 12.12.1968 tại Phòng
Lục sự Tòa Sơ thẩm Huế .

Huế, ngày 12 tháng 12 năm 1968
Chánh lục sự
Ký tên : không rõ
và đóng dấu

Chứng nhận đã trước bạ tại Ty
Y-tế Thừa-thiên dưới số 52
ngày 12.12.1968

Huế, ngày 13 tháng 12 năm 1968
Trưởng-ty Y-tế Thừa-thiên
và Thị-xa Huế ,
Ký tên : BS.Trần kiểm Khoan
và đóng dấu



Bác Sĩ ĐỖ-VĂN-MINH

Chiếu Sắc-lệnh số 394-TT/SL ngày 1-9-1969 ấn-định thành phần Chánh-Phủ;

Chiếu Sắc-lệnh số 35-YT ngày 19-9-1949 ấn-định chức-chưởng Bộ-Trưởng Bộ Y-Tế;

Chiếu Sắc-lệnh số 175-NV ngày 23-5-1955 và các văn kiện kế tiếp ấn-định phụ-cấp chức-vụ, cung cấp bằng hiện vật và hiện-kim cho công-chức và nhân-viên công-sở;

Chiếu Nghị-định số 354-YTHC/NĐ ngày 3-5-1956 và các văn kiện kế tiếp xếp hạng các Bệnh-Viện;

Chiếu Sự-vụ-lệnh số 3674-BYTXHCT/I/NV1/SVL ngày 2-9-1968 cử Bác-sĩ Trần-Kiểm-Khoan giữ chức-vụ Giám-Đốc Bệnh-Viện Trung-Ương Huế kiêm xử-lý thường-vụ Ty Y-Tế Thừa-Thiên;

Chiếu khế-ước và Phụ bản khế-ước tuyển-dụng Bác-sĩ Đỗ-Văn-Minh;

Chiếu công-văn số 2495-YT/TT/VP ngày 25-8-1969 của Ty Y-Tế Thừa-Thiên;

Chiếu công-văn số 13278-TT/VPNS ngày 4-9-1969 và số 16885-TT/VPNS ngày 18-11-1969 của Tòa Hành-Chánh Thừa-Thiên;

Chiếu phiếu trình số 226-BYT/QTTB/TT/Al2 ngày 3-12-1969 và phiếu gọi số 927/S.BYT/QTTB/TT/Al2 ngày 24-12-1969 của Nha Tổng Giám-Đốc Y-Tế;

Chiếu nhu-cầu công-vụ,

QUYẾT - ĐỊNH :

Điều 1. - Bác-sĩ Trần-Kiểm-Khoan, Y-sĩ Quốc-gia hạng 2, số trước tịch 52, Giám-Đốc Bệnh-Viện Trung-Ương Huế kiêm xử-lý thường-vụ Ty Y-Tế Thừa-Thiên và Thị-Xã Huế, nay tiếp tục đảm nhiệm riêng chức-vụ Giám-Đốc Bệnh-Viện Trung-Ương Huế.

- Bác-sĩ Đỗ-Văn-Minh, Y-sĩ khế-ước từng-sự tại Bệnh-Viện Trung-Ương Huế, nay được cử giữ chức-vụ Trưởng-Ty Y-Tế Thừa-Thiên và Thị-Xã Huế thay thế Bác-sĩ Trần-Kiểm-Khoan.

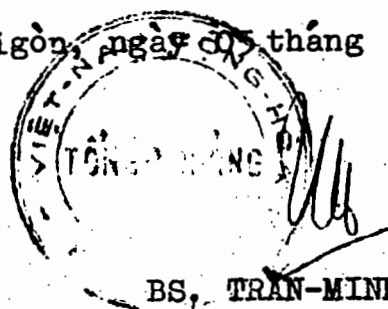
Điều 2. - Kể từ ngày thực sự đảm nhiệm chức-vụ nói trên sau ngày duyệt ký Quyết-định, các Bác-sĩ Đỗ-Văn-Minh, Trần-Kiểm-Khoan được hưởng khoản phụ-cấp chức-vụ hàng tháng, ấn-định theo the-lệ hiện-hành do Ngân-sách Quốc-gia (cơ-quan xử-dụng) đài thọ.

Điều 3. - Đồng-Lý Văn-Phòng Bộ Y-Tế có nhiệm-vụ thi hành Quyết-định này.-

NƠI - NHẬN :

- Nha TGD. Công-Vụ (Phòng Thống Kê)
- Nha Tổng Giám-Đốc NS. và NV.
- Văn-Phòng Phụ-Tá Đặc-Biệt
- Nha Tổng Giám-Đốc Y-Tế
- Nha Tổng Thư-Ký
- Thanh-Tra Đoàn (Y-Tế)
- Vùng I Y-Tế - Nha Y-Tế Điều-Trị
- Tòa Hành-Chánh Thừa-Thiên
- Ty Y-Tế Thừa-Thiên
- Bệnh-Viện Trung-Ương Huế "Để tổng đạt"
- Sở Quan-Trị Bệnh-Viện - Sở NS. và KT.
- Phòng Kiểm-Tra Nhân-Lực
- ✓ Phòng NV/1 - Phòng NV/2 (KSNS)
- Hồ-sơ - Lưu.

Sàigòn, ngày 01 tháng 01 năm 1970



BS, TRẦN-MINH-TÙNG

TỔNG-TRƯỞNG Y-TẾ,

Chiếu Sắc-lệnh số 394-TT/SL ngày 1-9-1969 ấn-định thành phần Chánh-Phủ;

Chiếu Sắc-lệnh số 35-YT ngày 19-9-1949 ấn-định chức-chưởng Bộ-Trưởng Bộ Y-Tế;

Chiếu Sắc-lệnh số 175-NV ngày 23-5-1955 và các văn kiện kế tiếp ấn-định phụ-cấp chức-vụ, cung cấp bằng hiện vật và hiện-kim cho công-chức và nhân-viên công-sở;

Chiếu Nghị-định số 354-YTHC/NĐ ngày 3-5-1956 và các văn kiện kế tiếp xếp hạng các Bệnh-Viện;

Chiếu Sự-vụ-lệnh số 3674-BYTXHCT/I/NV1/SVL ngày 2-9-1968 cử Bác-sĩ Trần-Kiểm-Khoan giữ chức-vụ Giám-Đốc Bệnh-Viện Trung-Ương Huế kiêm xử-lý thường-vụ Ty Y-Tế Thừa-Thiên;

Chiếu khế-ước và Phụ bản khế-ước tuyển-dụng Bác-sĩ Đỗ-Văn-Minh;

Chiếu công-văn số 2495-YT/TT/VP ngày 25-8-1969 của Ty Y-Tế Thừa-Thiên;

Chiếu công-văn số 13278-TT/VPNS ngày 4-9-1969 và số 16885-TT/VPNS ngày 18-11-1969 của Tòa Hành-Chánh Thừa-Thiên;

Chiếu phiếu trình số 226-BYT/QTTB/TT/Al2 ngày 3-12-1969 và phiếu gọi số 927/S.BYT/QTTB/TT/Al2 ngày 24-12-1969 của Nha Tổng Giám-Đốc Y-Tế;

Chiếu nhu-cầu công-vụ,

QUYẾT - ĐỊNH :

Điều 1. - Bác-sĩ Trần-Kiểm-Khoan, Y-sĩ Quốc-gia hạng 2, số trước tịch 52, Giám-Đốc Bệnh-Viện Trung-Ương Huế kiêm xử-lý thường-vụ Ty Y-Tế Thừa-Thiên và Thị-Xã Huế, nay tiếp tục đảm nhiệm riêng chức-vụ Giám-Đốc Bệnh-Viện Trung-Ương Huế.

- Bác-sĩ Đỗ-Văn-Minh, Y-sĩ khế-ước từng-sự tại Bệnh-Viện Trung-Ương Huế, nay được cử giữ chức-vụ Trưởng-Ty Y-Tế Thừa-Thiên và Thị-Xã Huế thay thế Bác-sĩ Trần-Kiểm-Khoan.

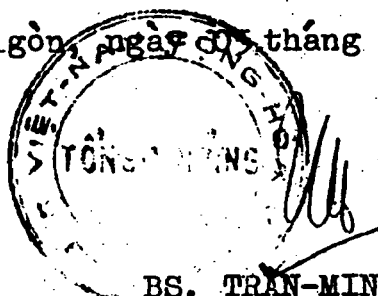
Điều 2. - Kể từ ngày thực sự đảm nhiệm chức-vụ nói trên sau ngày duyệt ký Quyết-định, các Bác-sĩ Đỗ-Văn-Minh, Trần-Kiểm-Khoan được hưởng khoản phụ-cấp chức-vụ hàng tháng, ấn-định theo thể-lệ hiện-hành do Ngân-sách Quốc-gia (cơ-quan xử-dụng) đài thọ.

Điều 3. - Đồng-Lý Văn-Phòng Bộ Y-Tế có nhiệm-vụ thi hành Quyết-định này.-

NƠI - NHẬN :

- Nha TGD. Công-Vụ (Phòng Thống Kê)
- Nha Tổng Giám-Đốc NS. và NV.
- Văn-Phòng Phụ-Tạ Đặc-Biệt
- Nha Tổng Giám-Đốc Y-Tế
- Nha Tổng Thư-Ký
- Thanh-Tra Đoàn (Y-Tế)
- Vùng I Y-Tế - Nha Y-Tế Điều-Trị
- Tòa Hành-Chánh Thừa-Thiên
- Ty Y-Tế Thừa-Thiên
- Bệnh-Viện Trung-Ương Huế "Đề tổng đạt"
- Sở Quan-Trị Bệnh-Viện - Sở NS. và KT.
- Phòng Kiểm-Trá Nhân-Lực
- ✓ Phòng NV/1 - Phòng NV/2 (KSNS)
- Hồ-sở - Lưu.

Sàigòn, ngày 05 tháng 01 năm 1970



BS, TRẦN-MINH-TÙNG

Chủ-Tịch Ủy-Ban Y-Tế

KÍNH GỬI :

ÔNG CHỦ-TỊCH HẠ-NGHỊ-VIỆN

- SAIGON -

Trích-yếu : V/v Đề nghị Bộ Y-Tế khen thưởng Bác-Sĩ Trường-Ty Y-Tế Thừa-Thiên.

Kính thưa Ông Chủ-Tịch,

Trong cuộc thăm viếng các tỉnh giới tuyến vừa qua của tôi và phái đoàn Y-Tế, chúng tôi nhận thấy công cuộc cứu-trợ về phương diện y-tế cho các nạn nhân chiến cuộc tại Thừa-Thiên đã diễn ra một cách tốt đẹp và chu đáo. Để khuyến khích và nâng đỡ tinh thần hăng say phục vụ của Bác-Sĩ Trường-Ty Y-Tế Thừa-Thiên trong công tác nói trên, chúng tôi kính đề nghị cùng Ông Chủ-Tịch chuyển lời khen thưởng sang Bộ Y-Tế để chuyển đến đương sự.

Kính mong đề nghị trên được Ông Chủ-Tịch cứu xét.

Trân trọng kính chào Ông Chủ-Tịch.

BẢN SAO KÍNH GỬI:

Bác-Sĩ ĐỖ-VĂN-MINH
Trưởng-Ty Y-Tế Thừa-Thiên và
Thị-Xa Huế.

"để tương"



DÂN-BIỂU TRẦN-THÁI-G-THỨC.

QUỐC-HỘI
HẠ-NGHỊ-VIÊN

ỦY-BAN Y-TẾ

★

U.S. TRUONG TV

Saigon, ngày 27 tháng 4 năm 1972

Số 2513 H/LBYT

Chủ-Tịch Ủy-Ban Y-Tế

KÍNH GỬI :

ÔNG CHỦ-TỊCH HẠ-NGHỊ-VIÊN

- SAIGON -

Trích-yếu : V/v Đề nghị Bộ Y-Tế khen thưởng Bác-Sĩ Trưởng-Ty Y-Tế Thừa-Thiên.

Kính thưa Ông Chủ-Tịch,

Trong cuộc thăm viếng các tỉnh giới tuyến vừa qua của tôi và phái đoàn Y-Tế, chúng tôi nhận thấy công cuộc cứu trợ về phương diện y-tế cho các nạn nhân chiến cuộc tại Thừa-Thiên đã diễn ra một cách tốt đẹp và chu đáo. Để khuyến khích và nâng đỡ tinh thần hăng say phục vụ của Bác-Sĩ Trưởng-Ty Y-Tế Thừa-Thiên trong công tác nói trên, chúng tôi kính đề nghị cùng Ông Chủ-Tịch chuyển lời khen thưởng sang Bộ Y-Tế để chuyển đến đường sự.

Kính mong đề nghị trên được Ông Chủ-Tịch cứu xét.

Trân trọng kính chào Ông Chủ-Tịch.

1983
5-5-72
BẢN SAO KÍNH GỬI:

Bác-Sĩ ĐỖ-VĂN-MINH
Trưởng-Ty Y-Tế Thừa-Thiên và
Thị-Xa Huế.

"để tưởng"



DÂN-BIỂU TRẦN-THÁ G-THỨC.



WESTERN PACIFIC REGIONAL OFFICE



ĐỖ VĂN MINH

SIXTH REGIONAL COURSE ON NATIONAL HEALTH PLANNING

Manila, Philippines

10 June to 16 August 1974

Francisco J. P. M.D.
REGIONAL DIRECTOR



MAILED 16 AUGUST 1974

World Health Organization

WESTERN PACIFIC REGIONAL OFFICE

CERTIFICATE OF ATTENDANCE

ĐỖ VĂN MINH

SIXTH REGIONAL COURSE ON NATIONAL HEALTH PLANNING

Manila, Philippines

10 June to 16 August 1974

Francisco J. P. M.D.
REGIONAL DIRECTOR



MANILA 16 AUGUST 19 74



DEPARTMENT OF STATE
Agency for International Development
CERTIFICATE OF ACHIEVEMENT

This certifies that, under the Program of the Agency for International Development of the Government of the United States of America in cooperation with other Governments,

DO VAN MINH

has successfully completed participation in a technical cooperation program

in the field of:

ENVIRONMENTAL SANITATION

for the period:

August 24, 1971 -- September 25, 1971

ISSUED AT SAIGON - VIETNAM

THIS 1st DAY OF (December) 1971

John R. Hassler
Director, USAID Mission to VIETNAM

John A. Hornah
ADMINISTRATOR





DEPARTMENT OF STATE
Agency for International Development
CERTIFICATE OF ACHIEVEMENT

This certifies that, under the Program of the Agency for International Development of the Government of the United States of America in cooperation with other Governments,

DO VAN MINH

has successfully completed participation in a technical cooperation program

in the field of:

ENVIRONMENTAL SANITATION

for the period:

August 24, 1971 - September 25, 1971

ISSUED AT SAIGON - VIETNAM

THIS 1st DAY OF (December) **1971**

John R. Mosler
Director, USAID Mission to VIETNAM

John A. Hornah
ADMINISTRATOR



Ủy ban nhân dân tỉnh
Thuận hải

số: 485/QĐ

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thuận hải, ngày 5 tháng 2 năm 1980

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THUẬN HẢI

- Căn cứ quyết định số 202/CP ngày 15/7/1977 của Hội đồng chính phủ phê chuẩn Ủy ban nhân dân tỉnh Thuận hải.

Căn cứ chỉ thị số 316 - TTg ngày 22/3/1977, Thông tư số 220-TTg ngày 14/4/1978 và Thông tư số 342 - TTg ngày 24/6/1978 của Thủ tướng chính phủ về việc xét tha và gia hạn tập trung giáo dục cải tạo những binh lính, sĩ quan ngụy quân, nhân viên ngụy quyền, đảng phái phản động của chế độ cũ.

Căn cứ Thông tư số 07-TT/LB ngày 29/12/1977 của Liên bộ quốc phòng, nội vụ hướng dẫn thi hành chính sách đối với sĩ quan ngụy quân, nhân viên ngụy quyền và đảng phái phản động hiện đang tập trung giáo dục cải tạo.

Theo đề nghị của Ông Trưởng ty công an Thuận hải.

QU Y Ế T - Đ I N H

Điều 1: Nay tha

Đỗ Văn Minh

Sinh ngày

1924

Nơi sinh

Huyện Kim Sơn - Tỉnh Ninh Bình

Quốc quán

Huyện Kim Sơn - Tỉnh Ninh Bình

Trú quán

Thôn 2 Tân An - Huyện Cần - Thuận Hải

Nghề nghiệp

Dân tộc

Hinh

quốc tịch

Việt Nam

Cán tội

phản cách mạng - trường ty y tá
tỉnh Ninh Bình

Đã tập trung giáo dục cải tạo từ ngày

15-12-1978

Điều 2: Được về cư trú tại thôn, tiểu khu

2

xã, phường thị

trấn Tân An

huyện, thị xã

Hàm Cần

tỉnh

thành phố

Thuận Hải

khi và địa phương phối trình quyết định này với chính quyền địa phương nơi cư trú và phải nghiêm chỉnh chấp hành mọi quy định của địa phương và pháp luật của Nhà nước.

Điều 3:

Ông chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thuận hải và Ông Trưởng ty công an Tỉnh Thuận hải và Đỗ Văn Minh.... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.



Trưởng ty công an
ngày 06/02/80
Phó công an
[Signature]

TH/- ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THUẬN HẢI



CHUYÊN QUẢN

Ủy ban nhân dân tỉnh
Thuận hải

số: 45/QĐ

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thuận hải, ngày 5 tháng 2 năm 1980

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THUẬN HẢI

Căn cứ quyết định số 202/CP ngày 15/1/1977 của Hội đồng chính phủ phê chuẩn Ủy ban nhân dân tỉnh Thuận hải.

Căn cứ chỉ thị số 316 - TTg ngày 22/3/1977, Thông tư số 220-TTg ngày 14/4/1978 và Thông tư số 342 - TTg ngày 24/6/1978 của Thủ tướng chính phủ về việc xét tha và gia hạn tập trung giáo dục cải tạo những binh lính, sĩ quan ngụy quân, nhân viên ngụy quyền, đảng phái phản động của chế độ cũ.

Căn cứ Thông tư số 07-TT/LB ngày 29/12/1977 của Liên bộ quốc phòng, nội vụ hướng dẫn thi hành chính sách đối với sĩ quan ngụy quân, nhân viên ngụy quyền và đảng phái phản động hiện đang tập trung giáo dục cải tạo.

Theo đề nghị của Ông Trưởng ty công an Thuận hải.

QU Y Ế T - Đ I N H

Điều 1: Nay tha

Đỗ Văn Minh

Sinh ngày

1924

Nơi sinh

Huyện Kim Sơn - Tỉnh Ninh Bình

Quốc quán

Huyện Kim Sơn - Tỉnh - Ninh Bình

Trú quán

Thôn 2 Tân An - Huyện Cần - Thuận Hải

Nghề nghiệp

Dân tộc

Kinh

Quốc tịch

Việt Nam

Cán tội

phản cách mạng - trường ty y tá

Tỉnh Ninh Bình

Đã tập trung giáo dục cải tạo từ ngày

15 - 12 - 1978

Điều 2:

Được về cư trú tại thôn, tiểu khu

2

xã, phường thị

trấn Tân An

huyện, thị xã

Hàm Cần

tỉnh

thành phố

Thuận Hải

khi và địa phương phải trình

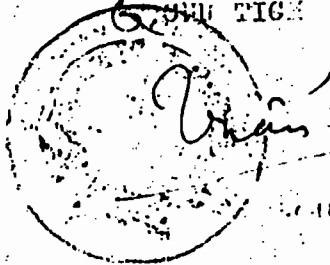
quyết định này với chính quyền địa phương nơi cư trú và phải nghiêm chỉnh chấp hành mọi quy định của địa phương và pháp luật của nhà nước.

Điều 3:

Ông chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thuận hải và Ông Trưởng ty công an Tỉnh Thuận hải và Đỗ Văn Minh.... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.



TH/- ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THUẬN HẢI
CHỖ TỰ CHỮ



Mã *Minh Bình*
省 *Huyện Kim Sơn*
縣 *Phát Diêm*
社

GIẤY KHAI GIA - THƯ

Số *45*
數

繼 開 嫁 娶

Tên, họ, tuổi và chỗ ở người chồng

姓 所 繼 娶 婿 居 處

Tên, họ, tuổi và chỗ ở người vợ

姓 所 繼 娶 婦 居 處

Vợ cả hay vợ thứ mấy

繼 娶 能 繼 第 幾

Lời vợ cả khai bằng lòng cho lấy vợ thứ

繼 娶 奇 附 平 恐 未 繼 續 矣

Tên, họ, tuổi, nghề-nghiệp và chỗ ở

bố mẹ chồng hay người đứng thay

姓 所 繼 娶 父 母 居 處 或 代 理 人 居 處

Còn sống hay chết

群 姓 能 繼

Tên, họ, tuổi, nghề-nghiệp và chỗ ở bố

mẹ vợ hay người đứng thay

姓 所 繼 娶 父 母 居 處 或 代 理 人 居 處

Còn sống hay chết

群 姓 能 繼

Vợ chồng có khai nhận con hoang làm

con chính không

繼 娶 夫 婦 開 認 兒 女 否 正 繼 否

Đỗ Văn Minh 47 tuổi

Phát-diêm

Lê Thị Chung 19 tuổi phố Qui-túc

huyện An Lão tỉnh Phúc Yên

18-cà

Đỗ Văn Khuyên

Chết

Lê Lương An 47 tuổi phố Bảo-dại

Tỉnh Phúc Yên

Còn sống

Tên, họ tuổi, ngày sinh cùng nơi sinh của
mọi người con nhận làm con chính
認明係正兒生貼有孩張認少提正
Có trình giấy hôn-ước không (ngày, tháng,
năm của giấy hôn-ước và viên-chức
đã ký nhận hôn-ước)

固呈綬婚約空聘聘貼綬婚約吧
員職包記認婚約

Tên, họ, tuổi, nghề nghiệp và chỗ ở người
làm chứng thứ nhất

認明係正兒生貼有孩張認少提正
Tên, họ, tuổi, nghề nghiệp và chỗ ở người
làm chứng thứ hai

認明係正兒生貼有孩張認少提正

Ngày cưới

婚 期

Ngày khai

開 關

Ký tên 記 認

Chồng 獸

Vợ 婦

Chuy

Bổ mẹ chồng,

右 獸 獸

Bổ mẹ vợ,

右 婦 婦

Những người làm chứng ký.

何 獸 少 証 認

Top: Van ap

Chambray

Nguyễn-Van 41 tuổi Phái-diêm
Hồng

Phạm Tru 59 tuổi Phái-diêm
Hồng

Hồng làm thày cưới hai một ngh
chín năm bốn năm 8-12-1945
một năm thày cưới hai một ngh
chín năm bốn năm 15-12-1945

Hồ-lai ký

戶 吏 記

ALAC

Thị Bình
Huyện Kim Sơn
Xã Phát Diêm
Xã

GIẤY KHAI GIA - THỦ

Số 45
Số

親 開 嫁 娶

Tên, họ, tuổi và chỗ ở người chồng

姓 名 年 齡 居 住 地 點

Tên, họ, tuổi và chỗ ở người vợ

姓 名 年 齡 居 住 地 點

Vợ cả hay vợ thứ mấy

第 幾 次 結 婚

Lời vợ cả khai bằng lòng cho lấy vợ thứ

第 幾 次 結 婚 平 允 允 許

Tên, họ, tuổi, nghề-nghiep và chỗ ở

姓 名 年 齡 工 作 單 位 居 住 地 點

Còn sống hay chết

現 在 是 否 健 在

Tên, họ, tuổi, nghề-nghiep và chỗ ở bố

姓 名 年 齡 工 作 單 位 居 住 地 點

Còn sống hay chết

現 在 是 否 健 在

Vợ chồng có khai nhận con hoang làm

第 幾 次 結 婚

姓 名 年 齡 工 作 單 位 居 住 地 點

第 幾 次 結 婚

Đỗ Văn Minh 41 tuổi

Phát Diêm

Lê Thị Chung 19 tuổi phố Qui-túc

huyện An Lão tỉnh Kiến An

Vợ cả

Đỗ Văn Khuyên

Chết

Lê Lương An 47 tuổi phố Bảo Đại

huyện Kiến An

Còn sống

Tên, họ, tuổi, ngày sinh cùng nơi sinh của
mỗi bên con nhận làm con chính
Cố trình giấy hôn-ước không (ngày, tháng,
năm của giấy hôn-ước và viên-chức
đã ký nhận hôn-ước)

固呈綫婚酌空聘聘辭貼誠禮約吧
月取包記認婚約

Tên, họ, tuổi, nghề nghiệp và chỗ ở người
làm chứng thứ nhất

勝月銘認身地增於縣少記次一

Tên, họ, tuổi, nghề nghiệp và chỗ ở người
làm chứng thứ hai

銘月銘認身地增於縣少記次二

Ngày cưới

聘禮

Ngày khai

開關

Ký tên 認認

Chồng 獸

Vợ 獸

Chúy

Bổ mẹ vợ,

布讀滿

Bổ mẹ chồng,

布讀獸

Nguyễn-Văn 44 tuổi Phạt-diêm
Hồng

Phạm Văn 59 tuổi Phạt-diêm
Hồng

Hồng làm thày mười hai một ngh
chín năm bốn năm 8-12-1948
mười năm thày mười hai một ngh
chín năm bốn năm 15-12-1948

Hồ lại ký

戶吏記

AL M. C.

Những người làm chứng ký,

何獸少証認

Ngô Văn áp

Chau-tan-ty

SINH TỬ GIẢ THƯ
ÉTAT - CIVIL

QUOC-GIA VIET-NAM

Năm 1949

Thành phố Hai-phong
VILLE DE HAIPHONG

Année
Số 1270

GIAY LƯ'OC SAO TO' KHAI SINH

Bulletin de naissance

Họ và tên

ĐỖ-THỊ NGỌC-HẢI

Nom et prénoms

Ngày sinh

Le sept Juin 1949 à 0h20'

Date de naissance.

Nơi sinh

Hôpital Municipal

Lieu de naissance

Là con

Đỗ-van-Minh

Fils de

Chức nghiệp

Infirmier

Profession

Và

Lê-thị-Thuy

Et de

Là vợ

Trương-rang

Femme de

Haiphong, ngày 4 - 8 - 1954

Chủ-sự phòng Hộ-tịch

Le chef du Bureau de l'Etat Civil

NGUYEN DINH CHINH

SINH TỬ GIẢ THƯ
ÉTAT - CIVIL

QUOC-GIA VIET-NAM

Năm 1949

Année
Số 1270

Thành phố Hai-phong
VILLE DE HAIPHONG

GIAY LƯ'OC SAO TO' KHAI SINH

Bulletin de naissance

Any Constatat Hg.

Họ và tên

ĐO-THI-NGOC-HAI

Nom et prénoms

Ngày sinh

Le sept Juin 1949 à 0h20'

Date de naissance

Nơi sinh

Hôpital Municipal

Lieu de naissance

Là con

Đỗ-van-Kinh

Fils de

Chức nghiệp

Infirmier

Profession

Và

Lê-thị-Thủy

Et de

Là vợ

Trương-rang

Femme de

Haiphong, ngày 4 - 8 - 1954

Chủ-sự phòng Hộ-tích
Chef du Bureau de l'Etat Civil



NGUYEN DINH CHINH

Tỉnh, Thị-Xã HUE
Quận Đông-Nguyên
Xã, Phường Phước-Minh
Số hiện: 1566

TRICH-LUC

Bộ Khai-Sanh

Lập ngày 24 tháng 7 năm 1962

Tên họ đứa trẻ ĐỖ-KIM-DŨNG

Con trai hay gái: Con trai

Ngày sanh Hồi mười ba tháng bảy năm một
ngàn chín trăm sáu mươi hai

(23.7.1962)

Nơi sanh : Tỉnh-Tiền Giang-Tổng

T. U. 3

Tên họ người cha : ĐỖ-TRẦN-MINH

Tên họ người mẹ : LÊ-THỊ-THUY

MIỀN THI-THU
10/SL 33 137 SL/NV
Cấp Thủ Tướng Chính Phủ
Ngày 01 tháng 12 năm 1971

VS chính hay không
có hôn thú : Tự chính có hôn thú

Tên họ người đứng khai: BS. LÊ-KHẮC-QUYẾN

PHUNG-TRICH-LUC

Quảng-bộ không năm 1962 HUE



TRẦN-QUỐC-KHAI

Trich lục y bản chánh

, ngày 24 tháng 7 năm 1962

Viên-chức Hộ-tịch,

TRẦN-QUỐC-KY

Thị trấn - xã
Quận - huyện
Xã, Phường, Thôn - thị trấn
Số hiệu: 1566

TRÍCH - LỤC

Bộ Khai-Sanh

Lập ngày 24 tháng 7 năm 1962

Tên họ đứa trẻ ĐỖ-KIM-DŨNG
Con trai hay gái: Con trai
Ngày sinh Hai mươi ba tháng bảy năm một
ngàn chín trăm sáu mươi hai
(23.7.1962)
Nơi sinh: Bệnh-Viện Trung-Tâm
HUE
Tên họ người cha: ĐỖ-VĂN-TIME
Tên họ người mẹ: LÊ-THỊ-HUY
Vợ chồng hay không
có hôn thú: Vợ chồng có hôn thú
Tên họ người đứng khai: BS. LÊ-KHẮC-DUYỄN

MIỀN THỊ-THUẬN
10/SL 39 137 SL/NV
Cấp Thủ Tướng Chính Phủ
Ngày 01 tháng 12 năm 1971

PHUNG-TRICH-LUC

Hướng bị tháng năm 1962



TRẦN-QUỐC-KIỆT

Trích lục y bản chánh
ngày 24 tháng 7 năm 1962
Viên-chức Hộ-tịch,
TRẦN-QUỐC-KIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 260135131

Họ tên LÊ THỊ THUY

Sinh ngày 22-4-1926

Nguyên quán Qui Túc,

An Lão, Kiến An.

Nơi thường trú Xã Tân An,

Hàm Tân, Thuận Hải.



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Thiên Chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DẤU HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

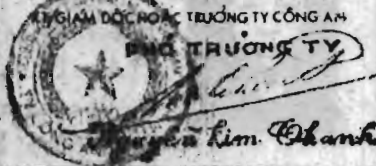
Sẹo chạm cách 1,2cm
dưới sau đuôi mắt
trái.

NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 21 tháng 9 năm 1978

THỦ LƯU QUẢN LÝ GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG TY



Trưởng Kim. Thanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 260135132

Họ tên ĐỖ THỊ NGỌC HẢI

Sinh ngày 7-6-1949

Nguyên quán Hà nam ninh.

Nơi thường trú làng 20

Hàm tán, Thuận hải.



Dân tộc: kinh Tôn giáo: thiên chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Seo chân cách 1,2cm
dưới sau mạp trái

Ngày 22 tháng 6 năm 1989

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



[Signature]
Kiem Thanh



Đỗ Văn Minh, sinh ngày 24-4-1924



Lê Thị Thuý, sinh ngày 22-4-1926



Đỗ Thị Ngọc Khuê, sinh ngày 07-06-1949



Đỗ Kim Đăng, sinh ngày 23-7-1962



THE UNITED STATES ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

CPR ID = 300
RUN DATE: 05/01/84
PAGE NO. 2580

077671

WORKSHEET FOR NUMBER IV 077671

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATE

Name: LE THI THUY

Name: ANTOINE TRUNG LE LE LUCNG

Other names used:

Name: (Maddy) / / CCB:

Sex: F DOB: (Maddy) (4/22/26) CO: VN

Address:

Address in Vietnam:

Telephone (Home):

(Business): / /

DOI 1, HOP TAC, YA 3, TAN AN, HAN TAN,
THUAN HAI, VIETNAM

Category: REF PRA USC

ACCOMPANY RELATIVES

FALCON

Documentation

M DOBY

ACT

MC

MCT

GVN

PHOTO

OTHER

NAME	Sex	DOB	Rel.	CO
M/F	MM	DD	YY	PA
1. LE THI THUY	F	04	22	26
2. DO VAN MINH	M	04	24	24
3. DO THI NGOC HAI	F	06	07	49
4. DO KIM DAI	M	11	05	53
5. DO THI NGOC MY	F	03	03	56
6. DO KIM HUNG	M	02	07	58
7. DO THI NGOC NGA	F	04	13	59
8. DO KIM DUNG	M	07	03	62
9. DO THI NGOC BICH	F	01	26	65
10.				
11.				
12.				
13.				
14.				

FOR OFFICE USE ONLY

SPONSOR IN THE UNITED STATES

Symbol: F51 Priority Date: 12/29/83 Rel-Sponsor to PA: BE

130 ADR AOS EC ACT MC MCT GVN PHOTO OTHER

VEML #: SRV #: JWL:

USG Empl/Training (Cat 2):

Fvt US Empl/Training (Cat 3-40):

GVN/RYNAF SVC:

US CMT AND: REED Camp: / / to / /

CAT 1 PKT: / / FLUP: / / OTHER:

CAT 2/3 PKT: / / FLUP: / / OTHER:

Reprint by: OL: / / LOT Sent: / / NOTED OF EXIT PERMIT / / PERMIT / / FEEDBACK LIST / /

Other Actions:

Medical Prod:

VOLAC NAME:

VOLAC ASSUR: Sought / / PRON: / / V #: / /

RECONF: Sought / / RECD: / /

POSSIBLE DURS:

ALP IV A:

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI HỢP LƯU

Date: September 11th 1990
Ngày:

A. Basic Identification Data
Lý lịch căn-bản

1. Name
Họ, Tên : ĐỖ VĂN MINH
2. Other Names
Họ, Tên Khác :
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 24 April 1924 Phatkhien, Jamsin, North Vietnam
4. Residence Address
Địa-chỉ Thường-trú : Đồi 1 Hết xã 3 Bàu An, Hầm Sơn, Thanh Hóa VIET NAM
5. Mailing Address
Địa-chỉ Thư-tử : 260A BACH DANG, Binh Thanh HOCHIMINH CITY VIET NAM
(phần sau)
6. Current Occupation
Nghề-Nghiep : Medicine doctor

B. Relatives To Accompany Me
Bà Con Cũng Đi Với Tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-ý: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia-đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc-thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm Sinh	Place of Birth Nơi Sinh	Sex Phái	MS Tình Trạng Gia Đình	Relationship Liên-Hệ Gia-Đình
1. LÊ-THỊ THUÝ	22 April 1926	Hiên An	female	M	Spouse
2. ĐỖ-THỊ NGỌC-HẢI	07 June 1949	Hải Phòng	female	S	daughter
3. ĐỖ-KIM DŨNG	23 July 1962	Huế	male	S	Son
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

CHÚ-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-thê của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cũng đi với bạn, chúng tôi cần với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam
Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

1. Closest Relative In the U.S.
Bà Con Thân Thuộc Nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : ĐỖ THỊ NHÀN

b. Relationship
Liên-Hệ Gia-Đình : elder blood sister

c. Address
Địa-Chỉ :

a. Name
Họ, Tên

: ANTOINE TRUNG LE & LE LUONG

b. Relationship

Liên-Hệ Gia-Đình

: Younger brother of my wife - my brother-in-law

c. Address

Địa-Chỉ

: 1

D. Complete Family Listing (Living/Dead)

Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

Name
Họ, Tên

Address
Địa-Chỉ

1. Father

Cha

: ĐỖ VĂN KHUYẾN

deceased

2. Mother

Mẹ

: TRẦN THỊ TÝ

deceased

3. Spouse

Vợ/Chồng:

LÊ THỊ THUÝ địa 1 HTX3 Bân An Huyện Hải Việt Nam

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng Trước (nếu có):

5. Children

Con Cái

- (1) ĐỖ KIM QUANG 123 Phố tỉnh Long An Đông Nai Vietnam
(2) ĐỖ THỊ NGỌC HẠ địa 1 HTX3 Bân An Huyện Hải
(3) ĐỖ THỊ NGỌC HẠ trường cấp 3 Huyện Hải
(4) ĐỖ KIM DAI thị xã Long Khánh
(5) ĐỖ THỊ NGỌC MỸ địa 1 HTX3 Bân An Huyện Hải
(6) ĐỖ KIM HÙNG Same
(7) ĐỖ THỊ NGỌC NGUYỄN Same
(8) ĐỖ THỊ NGỌC NHỊ Same
(9) ĐỖ KIM DUNG Same
(10) ĐỖ THỊ NGỌC BÍCH Same

6. Siblings

Anh Chị Em:

- (1) ĐỖ THỊ NHẬN elder blood sister
(2)
(3)
(4)
(5)
(6)
(7)
(8)
(9)
(10)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organizations of you or your Spouse

Bạn hoặc Vợ/Chồng Đã có Làm Việc cho Công-sở của Chính-phủ Mỹ hoặc Hãng Mỹ

1. Name of Person Employed:

Họ Tên Nhân-Viên:

2. Dates:

From:

To:

Ngày, Tháng, Năm. Từ: 1

Tới:

2

3

4

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse
Bạn hoặc Vợ/Chồng Đã Huấn Luyện Ở Ngoài Quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ Tên Sinh-Viên/Người Được Huấn-Luyện: ĐỖ - VĂN MINH
2. School and School Address : 1. WHO Western Pacific Regional Office Manila
Trường và Địa-Chỉ Nhà Trường : 2. Agency for International Development Taiwan
3. Dates:
Ngày, Tháng, Năm From 1-10 June 1974 To 16 August 1974
Từ: 2-24 August 1974 Đến: 25 Sept. 1974
4. Description of Courses : 1. National Health Planning
Mô-Tả Ngành Học : 2. Environmental Sanitation
5. Who paid for training? : 1. WHO Western Pacific Regional Office Manila
Ai Đãi-Thọ Chương-Trình Huấn-Luyện? : 2. USAID Mission to Vietnam

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? You ☒ No ☐.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ-thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse
Bạn hoặc Vợ/Chồng Đã Học-tập Cải-Tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ Tên Người Đi Học-Tập Cải-Tạo : ĐỖ - VĂN MINH
2. Total time in Reeducation:
Tổng-Cộng Thời Gian Học Tập Cải-Tạo: 01 years - months days
01 nam 01 tháng 20 ngày
3. Still in Reeducation? * Yes No
Vẫn Còn Học-Tập Cải-Tạo? * Có Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks
Có-Chú Phụ Thuộc

Signature

Ký Tên :

Tomu

Date

Ngày:

September 14th 1990

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin Nêu Ra Tất Cả Giấy-tờ Kèm Theo với bộ Câu Hỏi này

Mail this form to:

Orderly Departure Program Office

131 Soi Tien Giang

Bathani Tai Road

Bangkok 10120, Thailand

Title of (Last) Position Held
Chức-vụ Công-Việc : 1

2
3
4

4. Agency/Company/Office

Sở/Hàng/Văn-Phòng : 1

2
3
4

5. Name of (Last) Supervisor

Tên Họ Người Giám-Thị : 1

2
3
4

6. Reason for Leaving

Lý-Do Ra Đi : 1

2
3
4

7. Training for Job in Vietnam:

Nghề-Nghiệp Huấn Luyện tại Việt-Nam:

Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse

Huấn Hoặc Vô/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving

Họ Tên Người Tham-Gia :

ĐỖ VĂN MINH

2. Dates:

Ngày, Tháng, Năm

From:

Từ : May 1st 1968

To:

Tới : April 30 1975

3. Last Rank

Cấp-bậc Cuối-Cùng

: Medicine Provincial Chief

Ministry/Office/Military Unit

Bộ/sở/Đơn-Vị/Đinh-Chức

: Ministry of Health

Name of Supervisor/C.O.

Họ Tên Người Giám-Thị/Sĩ-Quan

Chỉ-Huy

: Đ. TRẦN MINH TÙNG

Reason for Leaving

Lý do Ra Đi

: Mistreatment

Names of American Advisor(s):

Họ Tên Cố-Vấn Mỹ

: Mr DENNIS BARBER, Mr HAROLD F SMITH

U.S. Training Courses in Vietnam:

Chương-Trình Huấn-Luyện Hoa-Kỳ

or Certificates :

Hoặc chứng-thư do Hoa-Kỳ Cấp:

any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Theo Bất cứ Văn-Bằng, Giấy Đán-Khen, hoặc Chứng-Thư nếu có.

d ☒ Không

QUESTIONNAIRE FOR GIP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI HỢP LƯU

Date: September 11th 1990
Ngày: 11 tháng 9 năm 1990

A. Basic Identification Data
L: Lịch căn-bản

1. Name
Họ, Tên : ĐỖ VĂN MINH
2. Other Names
Họ, Tên Khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 24 April 1924 Phát Diêm Tỉnh An Ninh Bình VIETNAM
4. Residence Address
Địa-chỉ Thường-trú : Đội 1 huyện 3 Ban An Huyện An Nhơn VIETNAM
5. Mailing Address
Địa-chỉ Thư-tử : 260A BACH DINH Binh Thanh HOCHIMINH CITY VIETNAM (phước an)
6. Current Occupation
Nghề-Nghiệp : medicine doctor

B. Relatives To Accompany Me
Bà Con Cùng Đi Với Tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khái tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia-đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm Sinh	Place of Birth Nơi Sinh	Sex Phái	MS Tình Trạng Gia Đình	Relationship Liên-Hệ Gia-Đình
1. <u>LÊ-THỊ THUY</u>	<u>22 April 1926</u>	<u>Khien An</u>	<u>female</u>	<u>M</u>	<u>Spouse</u>
2. <u>ĐỖ THỊ NẠCH HẢI</u>	<u>07 June 1949</u>	<u>Haiphong</u>	<u>female</u>	<u>S</u>	<u>daughter</u>
3. <u>ĐỖ KIM DUNG</u>	<u>23 July 1962</u>	<u>Hue</u>	<u>male</u>	<u>S</u>	<u>son</u>
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thủ (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam
Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

1. Closest Relative In the U.S.
Bà Con Thân Thuộc Nhất Ở Hoa-Kỳ

- a. Name
Họ, Tên : ĐỖ THỊ NHÀN
- b. Relationship
Liên-Hệ Gia-Đình : elder blood sister
- c. Address
Địa-Chỉ : _____

a. Name
Họ, Tên

: ANTOINE TRUNG LE & LE LUANU

b. Relationship
Liên-Hệ Gia-đình

: younger brother of my wife - my brother-in-law

c. Address
Địa-Chỉ

:

D. Complete Family Listing (Living/Dead)
Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

Name
Họ, Tên

Address
Địa-Chỉ

1. Father
Cha : ĐỖ-VĂN KHUYẾN deceased
2. Mother
Mẹ : TRẦN-THỊ TÝ deceased
3. Spouse
Vợ/Chồng: LÊ THỊ THUYẾT ở HTX 3 Bàu An Huyện Hòa Lai VIỆT NAM
4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng Trước (nếu có):
5. Children
Con Cái :
 - (1) ĐỖ-KIM QUANG 123 Phố tỉnh Long An Đồng Nai VIỆT NAM
 - (2) ĐỖ-THỊ NGỌC HẠ ở HTX 3 Bàu An Huyện Hòa Lai
 - (3) ĐỖ-THỊ NGỌC HÀ ở huyện cấp 3 Huyện Hòa Lai
 - (4) ĐỖ-KIM DUY ở xã Long Thành
 - (5) ĐỖ-THỊ NGỌC-MỸ ở HTX 3 Bàu An Huyện Hòa Lai
 - (6) ĐỖ-KIM HƯNG same
 - (7) ĐỖ-THỊ NGỌC NGA same
 - (8) ĐỖ-THỊ NGỌC NHÌ same
 - (9) ĐỖ-KIM DŨNG same
 - (10) ĐỖ-THỊ NGỌC BÍCH same
6. Siblings
Anh Chị Em :
 - (1) ĐỖ-THỊ NHÀN elder blood sister
 - (2)
 - (3)
 - (4)
 - (5)
 - (6)
 - (7)
 - (8)
 - (9)
 - (10)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organizations of you or your Spouse
Bạn hoặc Vợ/Chồng Đã có Làm Việc cho Công-sở của Chính-phủ Mỹ hoặc Hãng Mỹ

1. Name of Person Employed:
Họ Tên Nhân-Viên:

2. Dates:
Ngày, Tháng, Năm Từ:

From:

To:

Tới:

1

2

3

4

3. Title of (Last) Positions Held

Chức-vụ Công-Việc : 1

2

3

4

4. Agency/Company/Office

Sở/Hàng/Văn-Phòng : 1

2

3

4

5. Name of (Last) Supervisor

Tên Họ Người Giám-Thị : 1

2

3

4

6. Reason for Leaving

Lý-Do Ra Đi : 1

2

3

4

7. Training for Job in Vietnam:

Nghề-Nghiệp Huấn-Luyện tại Việt-Nam:

Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse

Hạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving

Họ Tên Người Tham-Gia :

ĐỖ VĂN MINH

2. Dates:

Ngày, Tháng, Năm

From:

Từ : May 1st 1968

To

Tới : April 30 1975

3. Last Rank

Cấp-bậc Cuối-Cùng

Medicine Provincial Chief

Ministry/Office/Military Unit

Bộ/sở/Đơn-Vị/Định-Chức

Ministry of Health

Name of Supervisor/C.O.

Họ Tên Người Giám-Thị/Sĩ-Quan

Chỉ-Huy

DR. TRẦN MINH TÙNG

Reason for Leaving

Lý do Ra Đi

Mistreatment

Names of American Advisor(s):

Họ Tên Cố-Vấn Mỹ

Mr DENNIS BARKER, Mr HAROLD F SMITH

U.S. Training Courses in Vietnam:

Chương-Trình Huấn-Luyện Hoa-Kỳ

or Certificates :

Hoặc chứng-thư do Hoa-Kỳ Cấp:

any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Theo Bất cứ Văn-Đăng, Giấy Ban-Khen, hoặc Chứng-Thư nếu có.

d. ☒ Không

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse

Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Huấn Luyện Ở Ngoại Quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ Tên Sinh-Viên/Người Được Huấn-Luyện: ĐỖ-VĂN MINH
2. School and School Address:
Trường và Địa-Chỉ Nhà Trường: 1- WHO Western Pacific Regional Office Manila
2. Agency for International Development Taiwan
3. Dates:
Ngày, Tháng, Năm From: 1-10 June 1971 To: 16 August 1971
Từ: 22 August 1971 Đến: 25 Sept 1971
4. Description of Courses:
Mô-Tả Ngành Học: 1. National Health Planning
2. Environmental Sanitation
5. Who paid for training?
Ai Đãi-Thọ Chương-Trình Huấn-Luyện? 1. WHO Western Pacific Regional Office Manila
2. USAID Mission to Vietnam

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☒ No ☐)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ-thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☒ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse

Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Học-tập Cải-Tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ Tên Người Đi Học-Tập Cải-Tạo: ĐỖ-VĂN MINH
2. Total time in Reeducation:
Tổng-Cộng Thời Gian Học Tập Cải-Tạo: 01 year 01 month 20 days
01 năm 01 tháng 20 ngày
3. Still in Reeducation? Yes ☐ No ☐
Vẫn Còn Học-Tập Cải-Tạo? Có ☐ Không ☐

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?

Có-Chu Chú Thuộc

Signature

Ký Tên:

[Signature]

Date

Ngày:

September 14th 1990

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin Nêu Ra Tất Cả Giấy-tờ Kèm Theo với bộ Câu Hỏi này

Mail this form to:

Orderly Departure Program Office
131 Soi Tien Giang
Juthong T. Road
Bangkok 10120, Thailand

059

17 IX 90

52400

OCT 03 1990

To : Mrs KTHUC Minh THO

MAY SAY
PAR AVION

P.O. Box 5435 ARLington, VA 22205-0635

AR! NHAN

TELEPhone 703-560-0058

- U S A -

From: Đỗ Văn Minh: 260A Bạch Đằng, Bình Thạnh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, VN.